TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/DS-PT
Ngày 18-4-2019
"Tranh chấp di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Sự

Ông Lê Văn Quý

-***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Phú Tra – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

-***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*** Ông Nguyễn Đình Thắng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại Hội trường C - Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2017/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc "*Tranh chấp di sản thừa kế"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 109/2017/DS-ST ngày 01/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố BH bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 251/2018/QĐ-PT ngày 10/12/2018; thông báo dời phiên tòa số 500/TB-TA ngày 17/12/2018; các Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐPT-DS ngày 09/01/2019, số 16/2019/QĐPT-DS ngày 25/01/2019, số 27/2019/QĐ-PT ngày 25/02/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 70/2019/QĐPT-DS ngày 20/3/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà **NTT**, sinh năm 1950 (có mặt);

2. Bà **NTTP**, sinh năm 1968 (có mặt);

Cùng địa chỉ: 98/28 (số mới 108) đường VTS, Khu phố 1, phường QT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông **NAD**, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: 98A/20 đường VTS, phường QT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông **NVH**, sinh năm 1953 (có mặt);

Địa chỉ: 6B, Khóm 6, phường TN, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà **NND1**, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: N62, phường TN, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D1: Luật sư NVĐ – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt);

6. Ông **NVN**, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Địa chỉ: 98/28 (số mới 108) đường VTS, Khu phố 1, phường QT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai, hiện nay xuất cảnh sang Hoa kỳ không rõ địa chỉ.

- *Bị đơn*: ông **NKV**, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: 98/28 (số mới 108) đường VTS, Khu phố 1, phường QT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông NAT, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: 98/28 (số mới108) đường VTS, Khu phố 1, phường QT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Các ông bà NND1, NVH, NAD, NTT và NAT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

Các đồng nguyên đơn bà T, bà D1, bà P, ông H, ông D, ông N trình bày:

Cha mẹ chúng tôi là cụ NVK (chết năm 1980) và cụ PTH (chết năm 2001). Hai cụ K, H sinh được 08 người con chung (không có con ngoài giá thú, con nuôi) gồm: Bà NTT; ông NVH; NAD; NTTP; NKV; NAT; Bà NND1 và NVN.

Khi cha mẹ qua đời không để lại di chúc. Di sản cha mẹ để lại gồm: 01 căn nhà cấp 4 và 02 thửa đất số 199, 205 cùng tờ bản đồ số 08 phường QT. Nhà đất có địa chỉ: 98/28, quốc lộ 1, phường QT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay căn nhà nằm trên thửa đất số 199 tờ bản đồ số 08 do bà T, bà P và ông Tuấn quản lý, còn thửa đất số 205 tờ bản đồ 08 thì ông V tự xây dựng 01 căn nhà cấp 4 để ở và quản lý. Ngoài các tài sản này ra thì cha mẹ không còn tài sản nào khác.

Vào năm 2002, Nhà nước đã thu hồi một phần đất phía trước của hai thửa đất để làm đường và bồi thường 160.502.000đ, số tiền này đã được chia đều cho 08 anh chị em nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Theo chứng thư thẩm định giá số: 39/CT-LVTĐG ngày 12/3/2015 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá LV thì giá trị di sản là: 13.324.770.600đ (trong đó: giá trị đất của thửa 199 là 5.688.250.000đ + 01 căn nhà trên đất là 139.620.600đ; giá trị đất của thửa 205 là 7.496.900.000đ).

Tại phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, bà T, bà D1, bà P, ông H, ông D TN thỏa thuận: Quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền thửa đất số 199 có giá là 6.000.000.000đ và quyền sử dụng đất tại thửa 205 có giá 8.000.000.000đ, tổng cộng là 14.000.000.000đ. Nay đề nghị chia thừa kế theo pháp luật trên cơ sở giá nhà đất 14.000.000.000đ, giao cho ông V, bà T, ông Tuấn, bà D1 nhận hiện vật (nhà, đất) và thanh toán lại giá trị kỷ phần thừa kế cho ông D, ông H, ông N, bà P. Riêng tài sản trên thửa đất số 205 trị giá 61.429.000đ (theo giá của chứng thư thẩm định) do ông V tự xây dựng để ở và cho thuê, thì ông V phải tự tháo dỡ.

Đối với yêu cầu của ông V đề nghị hàng thừa kế thanh toán cho ông 60.000.000đ tiền san lấp đất của thửa 205 thì các đồng nguyên đơn đồng ý.

Về chi phí đo đạc và thẩm định giá hết 46.312.146đ do bà D1 tạm nộp. Các đồng nguyên đơn đồng ý chia đều cho các kỷ phần thừa kế để trả lại cho bà D1.

- Bị đơn ông NKV trình bày:

Ông là con ruột của cụ NVK và cụ PTH (cha mẹ ông đã chết). Về hàng thừa kế của cha mẹ và di sản do cha mẹ để lại đúng như các đồng nguyên đơn trình bày.

Về giá trị tài sản ông TN theo giá của chứng thư thẩm định số: 39/CT-LVTĐG ngày 12/3/2015 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá LV là 13.324.770.600đ. Tuy nhiên, các anh chị em đã TN thỏa thuận làm tròn thành 14.000.000.000đ thì ông cũng đồng ý. Nay các anh chị em yêu cầu phân chia thừa kế theo pháp luật di sản của cha mẹ để lại thì ông đồng ý. Ông xin nhận hiện vật và thanh toán giá trị kỷ phần cho các thừa kế khác theo giá tài sản anh chị em đã TN.

Quá trình quản lý thửa đất số 205, ông đã đổ đất, san lấp hết 60.000.000đ, ông yêu cầu anh chị em thanh toán cho ông khoản tiền này. Đối với nhà và quán ăn nằm trên thửa đất 205 do ông tự xây dựng để ở và cho thuê thì ông có trách nhiệm tự tháo dỡ.

Về chi phí đo vẽ và thẩm định giá 46.312.146đ do bà D1 tạm nộp. Ông đồng ý chia đều cho các kỷ phần thừa kế, phần của ông, ông đồng ý trả lại bà D1.

Trước đây ông có đơn phản tố yêu cầu Tòa án chia phần tài sản mà trước đây cha mẹ ông đã cho ông H, ông D, bà D1, nhưng nay ông không yêu cầu giải quyết nữa, nên không sửa chữa bổ sung đơn theo yêu cầu của Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NAT trình bày:

Ông TN lời khai của các anh chị em ông về năm mất của cha mẹ và hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ cũng như di sản cha mẹ để lại. Giá trị di sản đã được thẩm định giá theo chứng thư thẩm định là 13.324.770.600đ, nhưng các anh chị em đã TN thỏa thuận làm tròn thành 14.000.000.000đ, ông đồng ý. Nay ông đề nghị Tòa án chia cho ông được nhận nhà đất tại thửa 199, ông sẽ thanh toán lại giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế khác.

Tại bản án số: 109/2017/DS-ST ngày 01/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố BH đã áp dụng khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 674; 675; 676 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 về án phí, lệ phí của Tòa án; Áp dụng Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, tuyên xử:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với ông NVN.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NTT, bà NND1, bà NTTP, ông NVH và ông NAD về yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại.

+ Tạm giao cho bà NTT, bà NTTP được quyền sử dụng thửa đất ở số 199 tờ bản đồ 08 và giao quyền sỡ hữu 01 căn nhà số 98/28 (số mới 108) đường VTS, Khu phố 1, phường QT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai gắn liền thửa đất 199 trị giá 6.000.000.000đ. Cụ thể:

Thửa đất 199 tờ bản đồ 08, diện tích 186,5m^2, có tứ cận: Phía trước giáp đường VTS, phía sau giáp thửa 213, phía phải giáp thửa 200, phía trái giáp thửa 197 (theo bản đồ hiện trạng khu đất số 3755/2014 ngày 07/11/2014 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- Chi nhánh BH đo vẽ) và gắn liền là 01 căn nhà số 98/28 (số mới 108), đường VTS, KP1, phường QT, thành phố BH có cấu trúc: cột gạch tường gạch, mái tôn, cửa sắt + kính; nền gạch men + xi măng và mái che phía trước. Diện tích xây dựng là 133.1m^2 (theo bản vẽ hiện trạng nhà ngày 07/11/2014 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- Chi nhánh BH đo vẽ).

Bà NTT, bà NTTP có trách nhiệm thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà D1 là 1.742.500.000đ và thanh toán cho ông Hân 772.500.000đ.

+ Tạm giao cho ông NKV thửa đất 205 tờ bản đồ 08 tọa lạc tại đường VTS, Khu phố 1, phường QT, thành phố BH tỉnh Đồng Nai, diện tích 245,8m^2, giá trị 8.000.000.000đ; có tứ cận: Phía trước giáp đường VTS; phía sau và bên trái giáp thửa đất 213, phía phải giáp thửa 285-286 (theo bản đồ hiện trạng khu đất số 3756/2014 ngày 07/11/2014 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- Chi nhánh BH đo vẽ).

Ông NKV có trách nhiệm thanh toán kỷ phần thừa kế cho Nam, ông D, ông Tuấn mỗi kỷ phần 1.742.500.000đ và ông H là 970.000.000đ.

Bà NTT, bà NTTP, ông NKV có trách nhiệm liên hệ các cơ quan chức năng có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà theo quy định pháp luật.

Các ông NVN, ông NAT, NVH, bà NND1, ông NAD được nhận di sản thừa kế của cha mẹ để lại bằng giá trị mỗi kỷ phần 1.742.500.000đ.

Đối với kỷ phần của ông N do ông định cư tại Hòa Kỳ chưa rõ địa chỉ nên kỷ phần thừa kế của ông N sẽ tạm giao cho bà NTT, ông NKV đang sống trong nước quản lý để sau này giao lại cho ông N hoặc người thừa kế của ông N có quyền hưởng theo pháp luật.

Các bà NTT, bà NND1, ông NAD, ông NVN, ông NAT, ông NVH, bà NTTP có trách nhiệm thanh toán cho ông NKV là 60.000.000đ (trong tổng giá trị di sản là 14.000.000.000đ - 60 triệu còn lại 13.940.000.000đ chia cho 08 kỷ phần mỗi kỷ phần được 1.742.500.000đ).

Bà NTT, bà NTTP, bà NND1, ông NAD, ông NVH, ông NKV, ông NVN, ông NAT có trách nhiệm nghĩa vụ đóng góp tiền nộp thuế để chuyển mục đích sử dụng đất được chia đều cho 08 kỷ phần trên tổng số tiền thực tế phải nộp khi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất.

Các đồng thừa kế bà T, ông V, ông H, ông D, ông Tuấn, bà P và ông N mỗi người có trách nhiệm thanh toán trả cho bà D1 là 5.789.018đ tiền chi phí đo vẽ và thẩm định giá.

Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Sung công quỹ Nhà nước tiền tạm ứng án phí của ông N 333.000đ (theo biên lai số 0003076 ngày 16/4/2007 của Chi cục THA-DS TP BH)

+ Ông V, ông N, ông Tuấn phải nộp 28.742.500đ;

+ Bà T, bà D1, bà P, ông H, ông D nộp 28.742.500đ nhưng được trừ đi 333.000đ đã nộp tạm ứng án phí nên còn phải nộp 28.409.500đ (theo biên lai số 0003076 ngày 16/4/2007 của Chi cục THA-DS TP BH).

Ngày 07/9/2017, bà NND1 kháng cáo đề nghị giao toàn bộ nhà đất cho bà, bà sẽ thanh toán kỷ phần thừa kế cho các anh chị em.

Ngày 07/9/2017, ông NVH kháng cáo đề nghị giao nhà đất cho ai có khả năng tài chính để thanh toán kỷ phần thừa kế cho những người khác.

Ngày 08/9/2017, ông NAD kháng cáo không đồng ý với việc cấp sơ thẩm tuyên số tiền nộp thuế để chuyển mục đích sử dụng đất được chia đều cho 08 kỷ phần trên tổng số tiền thực tế phải nộp khi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, trong khi đất đã chia xong. Đề nghị cấp phúc thẩm giao đất cho ai có đủ khả năng tài chính thanh toán kỷ phần cho người khác.

Ngày 13/9/2017, bà NTT kháng cáo xin được cùng ông NAT nhận nhà đất tại thửa 199, tờ bản đồ số 08 và thanh toán lại kỷ phần cho những người khác. Án sơ thẩm tạm giao cho bà và bà P nhà đất này thì bà không đồng ý.

Ngày 13/9/2017, ông NAT kháng cáo đề nghị được cùng bà NTT nhận nhà đất tại thửa 199, tờ bản đồ số 08.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của đương sự là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo của các đương sự thấy rằng: Hiện tại thửa đất số 199 do bà T, bà P, ông Tuấn Anh đang sử dụng, tại cấp sơ thẩm các đương sự cũng đồng ý giao thửa đất này cho bà T, ông Tuấn Anh, bà P, còn thửa 205 do ông V quản lý sử dụng có đầu tư tài sản trên đất, riêng bà D1 đã có chỗ ở khác, ông H ông D có nhu cầu nhận giá trị tài sản. Do đó, đề nghị bác kháng cáo của bà D1, chấp nhận kháng cáo của bà T ông Tuấn Anh, giao nhà đất số 199 cho bà T, ông Tuấn Anh, bà P quản lý sử dụng, giao cho ông V thửa đất số 205. Các đương sự được nhận nhà đất có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần cho ông N, ông H, ông D theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà D1, ông H, ông D, bà T, ông Tuấn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã đóng tạm ứng án phí, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Ông NVN đã được tống đạt hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế các đương sự TN, cụ NVK (chết năm 1980) và cụ PTH (chết năm 2001), hai cụ sinh được 08 người con chung gồm: Bà NTT; ông NVH; ông NAD; ông NTTP; ông NKV; ông NAT; bà NND1 và ông NVN nên đây là tình tiết sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về di sản thừa kế, các đương sự TN cha mẹ chết để lại gồm: nhà, đất tại thửa 199 và thửa 205 cùng tờ bản đồ số 08, phường QT, hiện chưa chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhà đất tại thửa 199 hiện do bà T, bà P, ông Tuấn Anh (cả 3 còn độc thân) quản lý sử dụng. Thửa 205 do ông V quản lý sử dụng có tôn tạo và xây dựng quán bán hàng, thửa 205 hiện giáp ranh với các thửa 285, 286 và 213. Theo bản vẽ số 3756 ngày 07/11/2014 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh BH thì thửa 205 ranh đất theo bản đồ địa chính phần giáp với thửa 213 là mốc 1,7 nhưng thực tế sử dụng là mốc 1,9,8,7 tức là đang sử dụng 7,3m^2 của thửa 213; còn phần giáp với thửa 285, 286 ranh theo bản đồ địa chính là mốc 2,6 nhưng thực tế sử dụng là mốc 3,4,5 tức là đang sử dụng 4,0m^2 của thửa 286 và 5,7m^2 của thửa 285. Cấp sơ thẩm chưa đưa chủ sử dụng của các thửa 213, 285, 286 vào tham gia tố tụng để làm rõ ranh đất thực tế sử dụng giữa các thửa đất này, mà đã chia luôn cả phần đất 7,3m^2 và 9,7m^2 của ba thửa 213, 285, 286 là ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của họ, nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố BH thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục chung.

Khi giải quyết lại vụ án, cấp sơ thẩm cần lưu ý về giá của tài sản tranh chấp đối với thửa 205, nghĩa vụ chịu thuế chuyển mục đích sử dụng (nếu có) và việc vắng mặt của ông N thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, hay không xác định được địa chỉ để giải quyết vụ án được chính xác, đúng pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng khác sẽ được cấp sơ thẩm xác định khi giải quyết lại vụ án. Án phí phúc thẩm, đương sự kháng cáo không phải chịu.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử, nên không chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hủy toàn bộ bản án Dân sự sơ thẩm số 109/2017/DS-ST ngày 01/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố BH.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố BH thụ lý giải quyết lại theo thủ tục chung.

Về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng khác sẽ được cấp sơ thẩm xác định khi giải quyết lại vụ án.

Án phí phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo không phải chịu. Hoàn trả cho các ông bà NAT, NAD, NVH, NTT và NND1 mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí số 002605, 002606, 002607, 002610 cùng ngày 20/9/2017 và Biên lai thu tạm ứng án phí số 002619 ngày 21/92017 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố BH;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn phòng và Thẩm phán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**